

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày 01/12/2022

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Ông Lữ Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

Ngày 01/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2022/TLST-DS ngày 15/8/2022 “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-DS ngày 27/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-DS ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tô Thị B1, sinh năm 1973 và anh Huỳnh Trọng Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn A2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị B trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 14/01/2019 (Âm lịch), bà Tô Thị B1 và con trai là Huỳnh Trọng Đ có vay của bà B số tiền 14.000.000đồng, mục đích để mua bán gà, không thỏa thuận thời hạn trả. “Giấy mượn tiền” mà bà B cung cấp cho Tòa án là do bà Tô Thị B1 và con trai là Huỳnh Trọng Đ viết và ký xác nhận nợ. Bà B đã nhiều lần yêu cầu bà B1 và anh Đ trả số tiền đã vay, nhưng đến nay bà B1 và anh Đ vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ phải trả số tiền đã vay là 14.000.000đồng. Bà B không yêu cầu tiền lãi.

* Bị đơn bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh Thị B khởi kiện đối với bà Tô Thị B1, sinh năm 1973 và anh Huỳnh Trọng Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn A2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà B1 và anh Đ phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B1 và anh Đ.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B, cùng với việc cung cấp chứng cứ bản chính là “Giấy mượn tiền” đề ngày 14/01/2019 (Âm lịch) thể hiện bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ có vay của bà Trịnh Thị B số tiền 14.000.000đ. Bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ trực tiếp viết và ký tên xác nhận nợ trong “Giấy mượn tiền” nên bà B yêu cầu bà B1 và anh Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay. Vậy, có đủ cơ sở xác định bà Tô Thị B và anh Huỳnh Trọng Đ có vay của bà Trịnh Thị B số tiền 14.000.000đ đến nay chưa trả.

[3] Theo giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận thời hạn trả, không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bà B đòi nợ nhiều lần nhưng bà B1 và anh Đ không trả nợ, nên bà B khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ phải trả cho bà Trịnh Thị B số tiền gốc còn nợ là 14.000.000đ, bà B không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 14.000.000đ x 5% = 700.000đ. Bà Trịnh Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235; các Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B.

- Buộc bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ phải liên đới trả cho bà Trịnh Thị B số tiền gốc còn nợ là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Tô Thị B1 và anh Huỳnh Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). Bà Trịnh Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011847 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/12/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Đồng Ánh Đông